

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *119* /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày *18* tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê nhà, đất là tài sản công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê nhà, đất là tài sản công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê nhà, đất là tài sản công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).



b) Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

Điều 2. Danh mục tài sản công cho thuê

Danh mục tài sản công cho thuê là nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương để cho thuê theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Tiêu chí

Các doanh nghiệp quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Quyết định này tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà, đất là tài sản công không nợ ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Hình thức hỗ trợ, mức hỗ trợ

1. Hình thức hỗ trợ

Các doanh nghiệp quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Quyết định này được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

2. Mức hỗ trợ

Được giảm tiền thuê nhà, cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Số tiền thuê nhà được hỗ trợ giảm bằng 30% tiền thuê nhà phải nộp theo hợp đồng.

b) Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ: Số tiền thuê nhà được hỗ trợ giảm bằng 40% tiền thuê nhà phải nộp theo hợp đồng.

c) Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: Số tiền thuê nhà được hỗ trợ giảm bằng 50% tiền thuê nhà phải nộp theo hợp đồng.

d) Giảm tiền thuê nhà với số tiền được giảm bằng số tiền thuê đất được giảm theo quy định tại Nghị định số 230/2025/NĐ-CP Quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024.

đ) Trường hợp doanh nghiệp thuộc nhiều nhóm đối tượng với các mức hỗ trợ khác nhau thì được giảm tiền thuê nhà theo chính sách với mức ưu đãi cao nhất.

Điều 5. Trình tự, thủ tục

1. Trình tự, thủ tục cho thuê thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê nhà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/NĐ-CP tổ chức thực hiện giảm tiền thuê nhà cho các đối tượng được thuê nhà theo quy định.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở, thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 6 (Thi hành);
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và phát thanh - truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh (Đăng Công báo);
- Cơ sở Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Lưu: VT, CVNCTH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

